TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Liên.

2. Bà Vũ Thị Phương Thảo.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lưu Hoàng Hải Bình, Thư ký Toà án nhân dân Quận Lê Chân.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bùi Trà M, sinh năm 1994; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 16/21 (số mới) 16C (số cũ) L, phường H, Quận L, thành phố H; nơi ở hiện nay: Số 2/726 N, phường N, Quận L, thành phố H; có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở: Số 16/21 (số mới) 16C (số cũ) L, phường H, Quận L, thành phố H; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Bùi Trà M) trình bày: Tôi và anh Vũ Văn H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận L, thành phố H ngày 13/7/2015; việc lấy nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 đến 3 tháng thì tôi phát hiện anh H sử dụng ma túy đá. Tôi và gia đình anh H có khuyên can, anh H hứa sẽ không sử dụng ma túy đá nữa nhưng thực tế anh H vẫn thường xuyên sử dụng ma túy. Lúc này do con chung của chúng tôi còn nhỏ, tôi vẫn cố gắng khuyên can, động viên anh H từ bỏ ma túy đá nhưng không có kết quả. Mỗi lần tôi góp ý thì đều bị anh H chửi bới, đánh đập. Mặt khác trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, anh H do chơi bời sử dụng ma túy không có trách nhiệm đến gia đình, vợ con. Nên chúng tôi thường xuyên xảy ra cãi, đánh chửi nhau, chính quyền địa phương đã can thiệp, hòa giải không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và trầm trọng; tháng 8 năm 2018, tôi đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì với nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt như mong muốn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh H.

- Về con chung: Tôi và anh Vũ Văn H có 01 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 20/11/2015, hiện cháu đang ở với tôi; nay ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao cháu cho tôi được tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Vì từ khi sống ly thân đến nay cháu ở với tôi vẫn phát triển bình thường và anh H cũng không có trách nhiệm gì đến cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tôi và anh H sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được nhận các văn bản của Tòa án giao đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Trà M được ly hôn anh Vũ Văn H. Về con chung: Giao con chung Vũ Minh T, sinh ngày 20/11/2015 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung chị M sẽ tự thỏa thuận giải quyết với anh H, do vậy không

đặt ra xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị M không yêu cầu, nên không đặt ra xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và đưa vụ án ra xét xử, anh H mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án giao hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, qua đó cho thấy anh H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Bùi Trà M và anh Vũ Văn H tuân thủ đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặt khác anh H sử dụng ma túy; chị M và gia đình khuyên can không có kết quả. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, chính quyền địa phương đã can thiệp, giải quyết, hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tháng 8/2018, chị M đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì với nhau về tình cảm, kinh tế; điều này phù hợp với chính quyền địa phương cung cấp. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M xin được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Bùi Trà M và anh Vũ Văn H có 01 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 20/11/2015. Nay ly hôn chị M có nguyện vọng tiếp tục được nuôi, chăm sóc cháu T đến đủ 18 tuổi; xét cháu T hiện còn nhỏ, đang ăn ở cùng chị M, nên việc chị M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng là chính đáng, phù hợp với thực tế; phù hợp với ý kiến của chính quyền địa phương; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên giao cháu T cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị M có ý kiến chị và anh H sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không

yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét, giải quyết.

Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị M trình bày, hai bên không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà Nước theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Trà M được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 20/11/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị M đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0013036 ngày 26/02/2019.

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND phường H, quận L, H (số 64/2015 ngày 13/7/2015);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Lộc